

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ
QUY ĐỊNH CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng; nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương; cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp (sau đây gọi tắt là cơ sở).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm trên.

2. Cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp không bao gồm chợ đầu mối và chợ đấu giá nông sản.

3. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;

b) Buôn bán hàng rong;

c) Cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định.

Các đối tượng được quy định tại Khoản này phải đăng ký hoặc cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật an toàn thực phẩm với cơ quan có thẩm quyền tại địa phương theo phân cấp quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ* là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. *Buôn bán hàng rong* là đối tượng kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định.

3. *Cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp* là cơ sở kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 (hai) Bộ trở lên (bao gồm cả siêu thị và các cơ sở kinh doanh trong chợ).

4. *Điều kiện bảo quản đặc biệt đối với thực phẩm* là việc sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ để duy trì các yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và các yếu tố bảo quản khác theo yêu cầu của nhà sản xuất nhằm bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm.

5. *Người có chuyên môn về an toàn thực phẩm* là người được đào tạo và có Bằng Tốt nghiệp hoặc Chứng chỉ chuyên môn về thực phẩm, an toàn thực phẩm, quản lý an toàn thực phẩm do trường Đại học chuyên ngành hoặc các tổ chức chứng nhận được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định cấp.

Chương II

THỦ TỤC CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

1. Trường hợp cấp lần đầu

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1a (đối với cơ sở sản xuất) hoặc Mẫu 1b (đối với cơ sở kinh doanh) quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất theo Mẫu 2a (đối với cơ sở sản xuất) hoặc Mẫu 2b (đối với cơ sở kinh doanh) quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

đ) Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất, kinh doanh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh (bản sao có xác nhận của cơ sở).

2. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu 1c quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi tới cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận để được xem xét cấp lại.

3. Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu 1c quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

Hồ sơ theo quy định tại điểm b, c, d, đ Khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu 1c quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

c) Văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi (bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).

Điều 5. Thủ tục, quy trình cấp Giấy chứng nhận

Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 của Thông tư này có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở có đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Thủ tục, quy trình cấp Giấy chứng nhận như sau:

1. Trường hợp cấp lần đầu

a) Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm



quyền phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có quyền hủy hồ sơ.

b) Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở

Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp trên ủy quyền thẩm định thực tế tại cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải có văn bản ủy quyền. Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải gửi kết quả thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận;

Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ban hành quyết định thành lập. Đoàn thẩm định gồm từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, trong đó phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên làm công tác chuyên môn hoặc quản lý về an toàn thực phẩm (đoàn thẩm định, thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia). Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

c) Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở

Đối chiếu thông tin và kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở;

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

d) Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở

Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm theo Mẫu 3a hoặc Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp, cơ sở được cấp Giấy chứng nhận khi các điều kiện kinh doanh của ít nhất một nhóm sản phẩm được đánh giá “Đạt”. Các nhóm sản phẩm đạt yêu cầu theo quy định sẽ được ghi vào Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 (sáu mươi) ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 4 quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại theo quy định tại điểm c Khoản này. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục;

Nếu kết quả thẩm định lại vẫn “Không đạt”, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận;

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định, giữ 01 (một) bản và cơ sở giữ 01 (một) bản.

đ) Cấp Giấy chứng nhận

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở theo Mẫu 5a (đối với cơ sở sản xuất do Bộ Công Thương thẩm định), Mẫu 5b (đối với cơ sở kinh doanh do Bộ Công Thương thẩm định), Mẫu 5c (đối với cơ sở sản xuất do Sở Công Thương thẩm định) hoặc Mẫu 5d (đối với cơ sở kinh doanh do Sở Công Thương thẩm định) quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

3. Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Chương III
HIỆU LỰC, THẨM QUYỀN CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 6. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận

1. Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đối với:

a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- Rượu: Từ 03 triệu lít sản phẩm/năm trở lên;

- Bia: Từ 50 triệu lít sản phẩm/năm trở lên;

- Nước giải khát: Từ 20 triệu lít sản phẩm/năm trở lên;

- Sữa chế biến: Từ 20 triệu lít sản phẩm/năm trở lên;

- Dầu thực vật: Từ 50 ngàn tấn sản phẩm/năm trở lên;

- Bánh kẹo: Từ 20 ngàn tấn sản phẩm/năm trở lên;

- Bột và tinh bột: Từ 100 ngàn tấn sản phẩm/năm trở lên;

- Dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm trên.

b) Cơ sở kinh doanh sản phẩm thực phẩm trực thuộc cơ sở sản xuất có công suất thiết kế sản xuất theo quy định tại điểm a Khoản này; cơ sở kinh doanh thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân phân phối, bán buôn hoặc đại lý bán buôn trên địa bàn từ 02 (hai) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

2. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp Giấy chứng nhận đối với:

a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế thấp hơn các cơ sở quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Cơ sở kinh doanh thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân bán buôn hoặc đại lý bán buôn trên địa bàn 01 (một) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ sở bán lẻ thực phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố đó.

3. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại cùng một địa điểm theo phân cấp thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận của cả Bộ Công Thương và Sở Công Thương thì Bộ Công Thương sẽ thụ lý hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

Điều 7. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời gian 03 (ba) năm. Trong trường hợp tiếp tục sản xuất, kinh doanh thực phẩm, trước 06 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận hết hạn, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải nộp hồ sơ xin cấp lại theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Thông tư này. Thời hạn của Giấy chứng nhận cấp mới được tính từ khi Giấy chứng nhận đã được cấp trước đó hết hiệu lực.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận được cấp lại theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 5 của Thông tư này, hiệu lực của Giấy chứng nhận cấp lại được tính theo thời hạn của Giấy chứng nhận đã được cấp trước đó.

3. Trường hợp Giấy chứng nhận được cấp lại theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Thông tư này, Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày ký cấp lại.

Điều 8. Kiểm tra sau cấp Giấy chứng nhận

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quy định tại Điều 6 của Thông tư này và cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện kiểm tra sau cấp Giấy chứng nhận.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp trên có quyền kiểm tra cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp dưới cấp Giấy chứng nhận.

3. Số lần kiểm tra không quá 01 (một) lần/năm đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận và có chứng nhận GMP, HACCP, ISO 22000 và tương đương của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

4. Số lần kiểm tra không quá 02 (hai) lần/năm đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp.



Điều 9. Thu hồi Giấy chứng nhận

1. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

2. Thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận

a) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp trên có quyền thu hồi Giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp dưới đã cấp.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở đề nghị cấp Giấy chứng nhận

1. Thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quy định tại Thông tư này.

2. Tạo điều kiện thuận lợi để đoàn thẩm định tiến hành thẩm định thực tế tại cơ sở.

3. Lưu giữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

4. Nộp phí thẩm định và lệ phí cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận

1. Cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy trình, thủ tục được quy định tại Thông tư này.

2. Lưu giữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và thu hồi Giấy chứng nhận khi có đơn khiếu nại, tố cáo hoặc có dấu hiệu vi phạm các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

4. Quản lý phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

a) Vụ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, trình Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở sản xuất, cơ sở sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm tại cùng một địa điểm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 của Thông tư này; tổ chức hướng dẫn thực hiện Thông tư trong phạm vi cả nước.

b) Vụ Thị trường trong nước tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, trình Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 6 của Thông tư này; cơ sở sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm tại cùng một địa điểm có hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận của Bộ Công Thương và hoạt động sản xuất thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận của Sở Công Thương.

2. Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện Thông tư này trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố; xây dựng đề xuất trình UBND tỉnh, thành phố phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Thông tư này.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2015.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 29/2012/TT-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cần phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trung tâm LuậtVietnam - Công ty CP Truyền thông Quốc tế INCOM
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà TechnoSoft, phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (04) 37833688 - Fax: (04) 37833699
Hotline: 016 9696 8989 - Email: lawdata@luatvietnam.vn

- Các Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC, KHCN.

Cao Quốc Hưng

PHỤ LỤC I

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	MẪU	TÊN MẪU
1	Mẫu 1a	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất
2	Mẫu 1b	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh
3	Mẫu 1c	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Mẫu 1a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ⁽¹⁾

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):

Địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Giấy phép kinh doanh số ngày cấp: đơn vị cấp:

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm):

Công suất thiết kế:

Doanh thu dự kiến:

Số lượng công nhân viên: (trực tiếp:; gián tiếp:)

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Mẫu Đơn áp dụng đối với cơ sở sản xuất thực phẩm

Mẫu 1b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ⁽¹⁾

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)



Trung tâm LuậtVietnam - Công ty CP Truyền thông Quốc tế INCOM

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà TechnoSoft, phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (04) 37833688 - Fax: (04) 37833699

Hotline: 016 9696 8989 - Email: lawdata@luatvietnam.vn

Cơ sở kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp):
 Địa điểm tại:
 Điện thoại: Fax:
 Giấy phép kinh doanh số ngày cấp: đơn vị cấp:
 Loại hình kinh doanh (bán buôn/bán lẻ):
 Phạm vi kinh doanh (trên địa bàn 01 tỉnh/02 tỉnh):
 Doanh thu dự kiến:
 Số lượng công nhân viên: (trực tiếp:; gián tiếp:)
 Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở tại địa chỉ

 Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những
 vi phạm theo quy định của pháp luật.
 Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
 (Ký tên, đóng dấu)

(1): Mẫu Đơn áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM
 (Kèm theo mẫu đơn đề nghị 1b)

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	
9	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
10	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
II	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điều	

17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	
19	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
III	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	
8	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	

Mẫu 1c

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày tháng năm 20

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh (tên sản phẩm), cụ thể như sau:
Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ngày cấp
Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Thông tư này):
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

MẪU BẢN THUYẾT MINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BẢN THUYẾT MINH

STT	MẪU	TÊN MẪU
1	Mẫu 2a	Bản thuyết minh cơ sở, vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất đối với cơ sở sản xuất
2	Mẫu 2b	Bản thuyết minh cơ sở, vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất đối với cơ sở kinh doanh

Mẫu 2a

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:



Trung tâm LuậtVietnam - Công ty CP Truyền thông Quốc tế INCOM
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà TechnoSoft, phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (04) 37833688 - Fax: (04) 37833699
Hotline: 016 9696 8989 - Email: lawdata@luatvietnam.vn

- Địa chỉ kho:
- Điện thoại: Fax
- Giấy phép kinh doanh số: Ngày cấp Nơi cấp
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm², trong đó diện tích nhà xưởng sản xuấtm².
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:
- Hệ thống xử lý môi trường:
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống, cung cấp hơi nước						
14	Hệ thống thông gió						
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							
5							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày tháng năm 20

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Giấy phép kinh doanh số: Ngày cấp Nơi cấp
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Phạm vi kinh doanh (01 tỉnh hay 02 tỉnh trở lên):
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanhm², trong đó diện tích kho hàng m².
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Nguồn điện cung cấp:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:
- Hệ thống thu gom rác thải và xử lý môi trường:
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm						
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm						
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm						
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay						
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
6	Trang bị bảo hộ						
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							
5							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?



Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày tháng năm 20

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

MẪU BẢN THUYẾT MINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	MẪU	TÊN MẪU
1	Mẫu 3a	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm
2	Mẫu 3b	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh, thực phẩm

Mẫu 3a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 58/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số, ngày tháng năm của Đoàn thẩm định gồm có:

1. Trưởng đoàn
2. Thành viên
3. Thành viên
4. Thành viên
5. Thư ký

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho:
- Điện thoại Fax
- Giấy phép kinh doanh số: Ngày cấp Nơi cấp
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm số:
- Diện tích mặt bằng:
- Tổng số công nhân viên: Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp

I. Đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở					



1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí và kết cấu nhà xưởng				
	- Kho nguyên liệu	A			
	- Kho bao bì	A			
	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu vực sản xuất	A			
	- Khu vực đóng gói	A			
	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
4	Nguyên liệu; phụ gia	A			
5	Nguồn nước sản xuất, vệ sinh	A			
6	Hệ thống chiếu sáng	B			
7	Hệ thống thông gió	B			
8	Hệ thống cung cấp khí nén	B			
9	Hệ thống cung cấp hơi nước	B			
10	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
11	Hệ thống thoát nước thải	B			

II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ

1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất	A			
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm	A			
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm	A			
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng	A			
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ	B			
7	Thiết bị giám sát	B			
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay	A			
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu	A			
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại	A			
11	Trang phục lao động khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm	A			

III. Điều kiện về con người

1	Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.	A			
2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			

II. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

a. Điều kiện về địa điểm, cơ sở:

.....

.....

.....

b. Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:

.....

.....

.....

c. Điều kiện con người:

.....

.....

.....

2. Kiến nghị:

.....

.....

.....

3. Kết luận: (Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và > 60% các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% - 60% các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc > 60% các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở: Đạt ☐
 Không đạt ☐
 Chờ hoàn thiện ☐

Biên bản kết thúc lúc: giờ phút, ngày tháng năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện cơ sở
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng đoàn thẩm định
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 3b
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 58/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số /QĐ....., ngày tháng năm của Đoàn thẩm định gồm có:

1. Trưởng đoàn
2. Thành viên
3. Thành viên
4. Thành viên
5. Thư ký

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở kinh doanh đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại Fax
- Giấy phép kinh doanh số: Ngày cấp Nơi cấp
- Mặt hàng kinh doanh:
- Hồ sơ công bố chất lượng hàng hóa số (nếu có):
- Diện tích mặt bằng: Diện tích kho:
- Tổng số công nhân viên: Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp

I. Đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất gồm:					
1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí, kết cấu các khu vực cơ sở	A			
4	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu trưng bày sản phẩm	A			
	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
5	Nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm kinh doanh	A			
6	Nguồn nước dùng để vệ sinh dụng cụ đối với sản phẩm	A			

	bao gói đơn giản, không bao gói				
7	Hệ thống nước đá bảo quản (nếu sử dụng)	B			
8	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
9	Hệ thống thoát nước thải	B			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ gồm:					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm	A			
2	Trang thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm	A			
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay	B			
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ (nếu sử dụng)	B			
6	Trang bị bảo hộ (nếu sử dụng)	B			
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại	B			
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát	B			
III. Điều kiện về con người gồm:					
1	Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm	A			
2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			

II. Bảng đánh giá theo nhóm sản phẩm

STT	Tên nhóm sản phẩm	Đánh giá			Ghi chú
		Đạt	Chờ hoàn thiện	Không đạt	
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế				
1	Nước uống đóng chai				
2	Nước khoáng thiên nhiên				
3	Thực phẩm chức năng				
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng				
5	Phụ gia thực phẩm				
6	Hương liệu thực phẩm				
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm				
8	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm				
II	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
1	Ngũ cốc				
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt				
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)				
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả				
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng				
6	Sữa tươi nguyên liệu				
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong				
8	Thực phẩm biến đổi gen				
9	Muối				
10	Gia vị				
11	Đường				
12	Chè				
13	Cà phê				
14	Ca cao				
15	Hạt tiêu				
16	Điều				
17	Nông sản thực phẩm khác				
18	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý				
19	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến				

	sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.				
III	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương				
1.	Bia				
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn				
3	Nước giải khát				
4	Sữa chế biến				
5	Dầu thực vật				
6	Bột, tinh bột				
7	Bánh, mứt, kẹo				
8	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý				

III. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét (ghi cụ thể lý do những mục “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện”)

a. Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất:

.....

.....

.....

b. Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:

.....

.....

.....

c. Điều kiện con người:

.....

.....

.....

2. Kiến nghị:

.....

.....

.....

3. Kết luận: (Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và > 60% các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% - 60% các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc > 60% các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở: Đạt ☐

Không đạt ☐

Chờ hoàn thiện ☐

Biên bản kết thúc lúc: giờ phút, ngày tháng năm và lập thành
02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện cơ sở
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng đoàn thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC IV

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:



Trung tâm LuậtVietnam - Công ty CP Truyền thông Quốc tế INCOM

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà TechnoSoft, phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (04) 37833688 - Fax: (04) 37833699

Hotline: 016 9696 8989 - Email: lawdata@luatvietnam.vn

1. Tên Cơ sở:
 2. Địa chỉ Cơ sở:
 3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
 (Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	MẪU	TÊN MẪU
1	Mẫu 5a	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất do Bộ Công Thương cấp
2	Mẫu 5b	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh do Bộ Công Thương cấp
3	Mẫu 5c	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất do Sở Công Thương cấp
4	Mẫu 5d	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh do Sở Công Thương cấp

Mẫu 5a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

BỘ CÔNG THƯƠNG
Chứng nhận

Cơ sở:
 Loại hình sản xuất ⁽¹⁾
 Chủ cơ sở:
 Địa chỉ sản xuất
 Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ TRƯỞNG
 (Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-BCT
 Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
 ngày/...../20

(1): Ghi cụ thể tên loại thực phẩm sản xuất

Mẫu 5b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

BỘ CÔNG THƯƠNG
Chứng nhận

Cơ sở:
Loại hình kinh doanh ⁽¹⁾
Chủ cơ sở:
Địa chỉ kinh doanh
Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
(Đối với các nhóm sản phẩm trong danh mục ⁽²⁾ kèm theo)

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-BCT
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày/...../20

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh
(2): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định

Mẫu 5c

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH/THÀNH PHỐ
Chứng nhận

Cơ sở:
Loại hình sản xuất ⁽¹⁾
Chủ cơ sở:
Địa chỉ sản xuất
Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Địa danh, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-BCT
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày/...../20

(1): Ghi cụ thể tên loại thực phẩm sản xuất

Mẫu 5d



Trung tâm LuậtVietnam - Công ty CP Truyền thông Quốc tế INCOM
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà TechnoSoft, phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (04) 37833688 - Fax: (04) 37833699
Hotline: 016 9696 8989 - Email: lawdata@luatvietnam.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH/THÀNH PHỐ
Chứng nhận

Cơ sở:
Loại hình sản xuất ⁽¹⁾
Chủ cơ sở:
Địa chỉ sản xuất
Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
(Đối với các nhóm sản phẩm trong danh mục ⁽²⁾ kèm theo)

Địa danh, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTP-BCT
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày/...../20

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh
(2): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định

